

DANH SÁCH HỌC SINH HỘ NGHÈO, CẬN NGHÈO ĐỀ NGHỊ MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ
Học Kỳ I / Năm học 2024 - 2025

STT	HỌ VÀ TÊN	Dự toán giao	LỚP	TRƯỜNG	Đối tượng	Học kỳ 1						Tổng số tiền miễn/ giảm (đồng)
						Mã số/Số hiệu	Mức học phí tính hưởng (đồng)	Tỷ lệ miễn/ giảm (%)	Mức miễn/ giảm (đồng)	Số tháng miễn/ giảm (tháng)	Số tiền miễn/ giảm (đồng)	
A	B		C		D	1	2	3	4=2x3	5	6=4x5	13=6+12
A	HKI / Năm học 2024 - 2025										6.510.000	6.510.000
I	ĐỐI TƯỢNG THUỘC HỘ NGHÈO										480.000	480.000
1.3	Trung học cơ sở										480.000	480.000
1	Nguyễn Ngọc Khánh Băng		9/4	THCS Trường Chinh	Hộ nghèo	27004010024HN	60.000	100%	60.000	4	240.000	240.000
2	Trương Gia Bảo		9/5	THCS Trường Chinh	Hộ nghèo	27004080122HN	60.000	100%	60.000	4	240.000	240.000
II	ĐỐI TƯỢNG THUỘC HỘ CẬN NGHÈO										720.000	720.000
2.3	Trung học cơ sở										720.000	720.000
1	Đàm Mai Vui		6/4	THCS Trường Chinh	Hộ cận nghèo	26971030157HCN	60.000	50%	30.000	4	120.000	120.000
2	Dương Vĩnh Triều		7/9	THCS Trường Chinh	Hộ cận nghèo	26971030135HCN	60.000	50%	30.000	4	120.000	120.000
3	Lý Thọ Hải		8/8	THCS Trường Chinh	Hộ cận nghèo	26971030130HCN	60.000	50%	30.000	4	120.000	120.000
4	Vũ Ngọc Phương Uyên		9/9	THCS Trường Chinh	Hộ cận nghèo	27004030146HCN	60.000	50%	30.000	4	120.000	120.000
5	Nguyễn Hoàng Thanh Thảo		9/8	THCS Trường Chinh	Hộ cận nghèo	27004010022HCN	60.000	50%	30.000	4	120.000	120.000
6	Nguyễn Trần Nguyên Khang		9/9	THCS Trường Chinh	Hộ cận nghèo	27004030138HCN	60.000	50%	30.000	4	120.000	120.000
III	ĐỐI TƯỢNG LÀ DÂN TỘC CHĂM - KHƠ ME										480.000	480.000
3.3	TRUNG HỌC CƠ SỞ										480.000	480.000
1	Lý Trọng Nhân		6/1	THCS Trường Chinh	Dân tộc Khơ Me		60.000	100%	60.000	4	240.000	240.000
2	Thạch Vũ Như Quỳnh		7/5	THCS Trường Chinh	Dân tộc Khơ Me		60.000	100%	60.000	4	240.000	240.000
									-		-	-
IV	ĐỐI TƯỢNG LÀ CON THƯƠNG BINH LIỆT SĨ										480.000	480.000
4.3	Trung học cơ sở										480.000	480.000
1	Trần Mai Thảo Ngọc		8/10	THCS Trường Chinh	Con thương binh	12806.KNA	60.000	100%	60.000	4	240.000	240.000
2	Phạm Thanh Đức		9/5	THCS Trường Chinh	Con thương binh	26295T/TQCS	60.000	100%	60.000	4	240.000	240.000
									-		-	-
									-		-	-
									-		-	-
V	ĐỐI TƯỢNG KHUYẾT TẬT										4.350.000	4.350.000

STT	HỌ VÀ TÊN	Dự toán giao	LỚP	TRƯỜNG	Đối tượng	Học kỳ 1						Tổng số tiền miễn/ giảm (đồng)
						Mã số/Số hiệu	Mức học phí tính hưởng (đồng)	Tỷ lệ miễn/ giảm (%)	Mức miễn/ giảm (đồng)	Số tháng miễn/ giảm (tháng)	Số tiền miễn/ giảm (đồng)	
A	B		C		D	1	2	3	4=2x3	5	6=4x5	13=6+12
5.3	Trung học cơ sở										4.350.000	4.350.000
1	Nguyễn Khôi Minh		6/2	THCS Trường Chinh	Khuyết tật	26971.00108	60.000	100%	60.000	4	240.000	240.000
2	Dương Thị Thanh Hằng		6/9	THCS Trường Chinh	Khuyết tật	26971.00109	60.000	100%	60.000	4	240.000	240.000
3	Văn Kiến Văn		6/9	THCS Trường Chinh	Khuyết tật	26809.000015	60.000	100%	60.000	4	240.000	240.000
4	Bùi Hữu Cường		6/11	THCS Trường Chinh	Khuyết tật	26971.00123	60.000	100%	60.000	4	240.000	240.000
5	Nguyễn Thành Nguyên		7/8	THCS Trường Chinh	Khuyết tật	27007000360	60.000	100%	60.000	4	240.000	240.000
6	Nguyễn Kiều Anh		7/8	THCS Trường Chinh	Khuyết tật	26971-00182	60.000	100%	60.000	4	240.000	240.000
7	Nguyễn Ngọc Quỳnh Anh		7/9	THCS Trường Chinh	Khuyết tật	26971.00189	60.000	100%	60.000	4	240.000	240.000
8	Nguyễn Ngọc Hân		7/9	THCS Trường Chinh	Khuyết tật	26971.00173	60.000	100%	60.000	4	240.000	240.000
9	Nguyễn Thành Nhân		7/11	THCS Trường Chinh	Khuyết tật	27007000359	60.000	100%	60.000	4	240.000	240.000
10	Trần Văn Trực		7/12	THCS Trường Chinh	Khuyết tật	26899/000017	60.000	100%	60.000	4	240.000	240.000
11	Phạm Trương Quốc Cường		8/3	THCS Trường Chinh	Khuyết tật	08/HCM/TB/216	60.000	100%	60.000	4	240.000	240.000
12	Kiều Minh Anh		8/6	THCS Trường Chinh	Khuyết tật	08/HCM/TB/236	60.000	100%	60.000	4	240.000	240.000
13	Trần Nguyễn Minh Thái		8/7	THCS Trường Chinh	Khuyết tật	08/HCM/TB/50	60.000	100%	60.000	4	240.000	240.000
14	Nguyễn Minh Bảo		8/8	THCS Trường Chinh	Khuyết tật	2697100149_CL	60.000	100%	60.000	4	240.000	240.000
15	Hoàng Nhật Minh		8/9	THCS Trường Chinh	Khuyết tật	2697100126	60.000	100%	60.000	4	240.000	240.000
16	Trịnh Ngọc Hùng		8/11	THCS Trường Chinh	Khuyết tật	2697100125	60.000	100%	60.000	4	240.000	240.000
17	Nguyễn Ngọc Lan Anh		9/6	THCS Trường Chinh	Khuyết tật	27004.00005/2024	60.000	100%	60.000	0,5	30.000	30.000
18	Nguyễn Hoàng Minh		9/8	THCS Trường Chinh	Khuyết tật	2700400188	60.000	100%	60.000	4	240.000	240.000
19	Lê Huỳnh Minh Khoa		9/9	THCS Trường Chinh	Khuyết tật	08/HCM/BTH/228	60.000	100%	60.000	4	240.000	240.000
	Tổng cộng										6.510.000	6.510.000

Tân Bình, ngày 10 tháng 10 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Thị Trịnh